

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2025/HS-ST.

Ngày:14-01-2025.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lê Thị Ánh Sáng.

+ Ông Phạm Đức Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Lương Duy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai gồm: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện L gồm: Bị cáo, cán bộ chiến sỹ thuộc nơi giam giữ đối với vụ án hình sự thụ lý số: 295/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 573/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Võ Hoàng L; Tên gọi khác: Không có; Sinh năm 2002 tại Đồng Nai; Giới tính: Nam; Số CCCD: 075202008972 cấp ngày 23/8/2022, nơi cấp: Cục CS QLHC về TNXH; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú và nơi sinh sống hiện nay: Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Võ Cường T, sinh năm 1966; Họ tên mẹ: Đào Ngọc Á, sinh năm 1973; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ 03; Họ tên vợ: Nguyễn Phan Nhã T1, sinh năm 2005 và có 01 con chung sinh năm 2023.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giữ từ ngày 16/10/2024 và chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện L.

(Bị cáo có mặt)

- Bị hại: Anh Hoàng Trung H, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Tiến T2, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tiệm C, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Vũ Văn T3, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Phan Phụng Hoài N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu C, thị trấn L, H. L, tỉnh Đồng Nai.

(Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 40 phút ngày 12/6/2023 tại ấp B xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, Võ Hoàng L hỏi mượn xe mô tô biển số 60G1-368.65 của Hoàng Trung H để đi thăm vợ con tại huyện N và lấy tiền nợ thì H đồng ý. Sau khi mượn được xe trên L đến thăm vợ và ghé nhà bạn lấy tiền nợ nhưng không được nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt cầm xe trên của anh H lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định, lúc 14 giờ cùng ngày L đem xe trên đến tiệm cầm đồ “Đức Thịnh” ở ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai do anh Nguyễn Tiến T2 làm chủ cầm cố xe trên lấy số tiền 15.000.000 đồng. Đến 14 giờ 30 phút ngày 14/6/2023 L muốn lấy được số tiền nhiều hơn nên L liên hệ với anh Vũ Văn T3 nói có xe muốn bán thì anh T3 cùng L đến tiệm cầm đồ của anh T2 xem xe. Khi thỏa thuận bán xe cho anh T3 thì L nói xe này là của L mua lại chưa sang tên đồng thời gửi hình ảnh chứng minh nhân dân của anh Hoàng Trung H cho anh T3 xem, tin tưởng L nói thật nên anh T3 đồng ý mua xe trên với giá 18.700.000 đồng (trong đó anh T3 chuyển trả cho anh T2 15.200.000 đồng là tiền anh T2 nhận cầm xe cho L trước đó còn lại 3.500.000 đồng anh T3 đưa cho L). Đến ngày 15/6/2023 anh T3 bán xe mô tô trên cho anh Phan Phụng Hoài N giá 23.500.000 đồng. Sau khi bị L chiếm đoạt xe anh H làm đơn trình báo Công an xã B lập hồ sơ chuyển cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L xử lý theo thẩm quyền. Quá trình điều tra Võ Hoàng L bỏ trốn và đến ngày 16/10/2024 bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại kết luận định giá tài sản số 309 ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô biển số 60G1-368.65 có trị giá 22.500.000 đồng (các bút lục số 45-48).

- Vật chứng vụ án và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số 60G1-368.65 của anh Hoàng Trung H, đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Hoàng Trung H đã nhận lại xe mô tô biển số 60G1-368.65 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn T3 có đơn yêu cầu bị cáo L bồi hoàn số tiền 18.700.000 đồng. (Hiện bị cáo chưa bồi thường).

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, bị cáo Võ Hoàng L đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập đúng trình tự pháp luật có tại hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS-LT ngày 18 tháng 12 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Võ Hoàng L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

- **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:** Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Võ Hoàng L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Võ Hoàng L từ 16 (mười sáu) đến 20 (hai mươi) tháng tù giam.

Tại phiên Tòa bị cáo không phát biểu tranh luận. Bị cáo nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào sáng ngày 12/6/2023 tại ấp B xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai Võ Hoàng L có hành vi mượn xe mô tô biển số 60G1-368.65 của anh Hoàng Trung H để đi công việc. Đến 14 giờ cùng ngày, sau khi mượn xe L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh H để lấy tiền tiêu xài cá nhân, nên L đem xe trên đến tiệm cầm đồ “Đức Thịnh” ở ấp B, xã L, huyện L cầm cho anh Nguyễn Tiến T2 lấy số tiền 15.000.000 đồng. Đến 14 giờ 30 phút ngày 14/6/2023, L lại liên hệ với anh Vũ Văn T3 bán xe trên cho anh T3 với giá 18.700.000 đồng để chiếm đoạt thêm 3.500.000 đồng. Đến ngày 15/6/2023 anh T3 bán xe mô tô này cho anh Phan Phụng Hoài N giá 23.500.000 đồng. Trị giá tài sản xe mô tô biển số 60G1-368.65 bị chiếm đoạt theo kết quả giám định có tổng giá trị là 22.500.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo là đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo mặc dù thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Vì để có tiền tiêu xài cá nhân nhưng không phải lao động, bị cáo đã lạm dụng lòng tin của bạn bè để nhằm chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo lại có hành vi bỏ trốn và chưa bồi thường khắc phục hậu quả. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn và xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm để nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Đối với anh Nguyễn Tiến T2, anh Vũ Văn T3 và anh Phan Phụng Hoài N có hành vi nhận thế chấp và mua xe của Võ Hoàng L phạm tội mà có nhưng khi nhận thế chấp và mua xe trên anh T2, anh T3, anh N không biết xe trên do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không khởi tố xử lý là đúng quy định.

[6] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 60G1-368.65 đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L trả lại cho bị hại là đúng quy định nên không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Văn T3 có đơn yêu cầu bị cáo L bồi thường lại số tiền 18.700.000 đồng, nên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường lại anh T3 18.700.000 đồng.

[8] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 935.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Võ Hoàng L** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Xử phạt: Bị cáo **Võ Hoàng L** 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2024 (ngày bắt bị cáo tạm giữ chuyển tạm giam).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường lại cho anh Vũ Văn T3 số tiền 18.700.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Võ Hoàng L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 935.000 đồng (Chín trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Công an H. Long Thành (3);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Người có QL và NVLQ (3);
- Lưu (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hà